

Số: /GPMT-KCNĐN

Đồng Nai, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai thực hiện thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 149/QĐ-KCNĐN ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai về thành lập Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường dự án của Công ty TNHH Nagae Việt Nam tại Lô J-10, đường N3-2, khu công nghiệp Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ văn bản số 1502/KCNĐN-MT ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Nagae Việt Nam tại văn bản số 02-24/NG ngày 29 tháng 11 năm 2024 về việc giải trình chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường dự án đầu tư của công ty tại Lô J-10, đường N3-2, khu công nghiệp Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Nagae Việt Nam (sau đây gọi là chủ dự án đầu tư) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Nhà máy sản xuất linh kiện, vật tư ngành xây dựng, linh kiện máy móc thiết bị điện tử, phụ tùng ô tô, đồ dùng nội thất, bộ đồ ăn từ kim loại, công suất: 950 tấn sản phẩm/năm; Gia công, lắp ráp, bảo trì khuôn đúc kim loại, công suất: 15 tấn sản phẩm/năm; Sơn gia công, công suất: 400 tấn sản phẩm/năm (trong quy trình sản xuất không bao gồm công đoạn xi mạ)” tại Lô J-10, đường N3-2, khu công nghiệp Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Nhà máy sản xuất linh kiện, vật tư ngành xây dựng, linh kiện máy móc thiết bị điện tử, phụ tùng ô tô, đồ dùng nội thất, bộ đồ ăn từ kim loại, công suất: 950 tấn sản phẩm/năm; Gia công, lắp ráp, bảo trì khuôn đúc kim loại, công suất: 15 tấn sản phẩm/năm; Sơn gia công, công suất: 400 tấn sản phẩm/năm (trong quy trình sản xuất không bao gồm công đoạn xi mạ)”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô J-10, đường N3-2, khu công nghiệp Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Mã số doanh nghiệp: 3603048173 đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 3 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21 tháng 12 năm 2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Mã số dự án: 3238377670 chứng nhận lần đầu ngày 26 tháng 3 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 06 tháng 12 năm 2022 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 3603048173.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất linh kiện, vật tư ngành xây dựng, linh kiện máy móc thiết bị điện tử, phụ tùng ô tô, đồ dùng nội thất, bộ đồ ăn từ kim loại; Gia công, lắp ráp, bảo trì khuôn đúc kim loại; Sơn gia công (trong quy trình sản xuất không bao gồm công đoạn xi mạ).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Diện tích thực hiện dự án là 9.976,5 m².

- Tiêu chí về môi trường: Dự án nhóm II.

- Quy mô: Dự án thuộc nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất:

(1) Sản xuất linh kiện, vật tư ngành xây dựng, linh kiện máy móc thiết bị điện tử, phụ tùng ô tô, đồ dùng nội thất, bộ đồ ăn từ kim loại: 950 tấn sản phẩm/năm;

(2) Gia công, lắp ráp, bảo trì khuôn đúc kim loại: 15 tấn sản phẩm/năm;

(3) Sơn gia công: 400 tấn sản phẩm/năm

- Quy trình sản xuất của Dự án:

(i) Quy trình sản xuất linh kiện, vật tư, sản phẩm bằng kim loại (không sơn):
Nguyên liệu → Đúc → Xử lý ba vớ → Gia công → Vệ sinh bề mặt → Lắp ráp → Kiểm tra, đóng gói → Thành phẩm.

(ii) Quy trình sản xuất linh kiện, vật tư, sản phẩm bằng kim loại (có sơn): Nguyên liệu → Đúc → Xử lý bề mặt → Gia công → Vệ sinh bề mặt → Sơn → Lắp ráp → Kiểm tra, đóng gói → Thành phẩm.

(iii) Quy trình gia công lắp ráp khuôn: Nguyên liệu → Đục lỗ/Làm đế khuôn → Cắt → Mài góc, đánh bóng → Kiểm tra → Lắp ráp → Kiểm tra → Thành phẩm.

(iv) Quy trình bảo trì khuôn: Thiết bị → Kiểm tra → Sửa chữa → Nghiệm thu → Giao khách hàng.

(v) Quy trình sơn gia công: Sản phẩm cần sơn → Vệ sinh bề mặt → Sơn → Kiểm tra → Thành phẩm.

* **Ghi chú:** Trong quy trình sản xuất không có công đoạn xi mạ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ dự án:

1. Chủ dự án có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Chủ dự án có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng năm 2034.

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Long Thành;
- Công ty TNHH Đầu tư Long Đức;
- Chủ dự án (thực hiện);
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Website Ban Quản lý các KCN;
- Lưu: VT, MT (AD).

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Trí Phương

PHỤ LỤC 1

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-KCNĐN ngày tháng năm 2024
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất phát sinh từ dự án đầu tư sau xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Long Đức được thu gom, đầu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Đức (theo Hợp đồng thuê lại đất số 130403/HD-TD ngày 16 tháng 4 năm 2013 giữa Công ty và Công ty TNHH Đầu tư Long Đức).

- Chủ dự án không được xả thải trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom nước mưa, nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên, lao động của dự án đầu tư (các khu vực nhà bảo vệ, văn phòng, nhà xưởng) với tổng lưu lượng khoảng 4 m³/ngày.đêm được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn cùng với nước thải từ quá trình làm mát, tách khuôn trong quá trình đúc với lưu lượng khoảng 0,8 m³/ngày.đêm sau khi qua thiết bị lọc dầu/nước được dẫn về hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, công suất thiết kế 5 m³/ngày.đêm trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Đức.

- Nước thải từ quá trình sản xuất (bao gồm nước từ quá trình vệ sinh bề mặt kim loại, hệ thống xử lý bụi sơn) với tổng lưu lượng khoảng 3,8 m³/ngày.đêm được dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất thiết kế 4 m³/ngày.đêm của công ty để xử lý trước khi thu gom cùng với nước thải vệ sinh văn phòng, nước thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất thiết kế 5 m³/ngày.đêm, đầu nối về nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Đức.

- Vị trí đầu nối nước thải của dự án: 01 Hố ga trên đường số D5-1 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°):

+ Tọa độ vị trí: X = 1199293; Y = 416206.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải: 01 Hệ thống lọc tách dầu, công suất thiết kế 4 m³/ngày.đêm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: *Nước thải từ quá trình làm mát, tách khuôn → Cột lọc* → Nước thải sau xử lý → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 5 m³/ngày.đêm.*

- Công suất thiết kế: 4 m³/ngày.đêm.

* *Nước thải phát sinh từ quá trình rửa cột lọc được thu gom, quản lý như chất thải nguy hại.*

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm): không có.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải: 01 Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất thiết kế 5 m³/ngày.đêm.

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: *Nước thải sinh hoạt qua bể tự hoại cùng với nước tách khuôn đã qua tách dầu/nước → Lắng sơ bộ → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Đức.*

- Công suất thiết kế: 5 m³/ngày.đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm): Ca(OH)₂, NaOCl.

1.2.3. Công trình, thiết bị xử lý nước thải: 01 Hệ thống xử lý sơ bộ nước thải sản xuất.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: *Nước thải chứa Cr → Bể tiếp nhận → Bể hoàn nguyên → Bể chứa nước thải sau xử lý → Hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất thiết kế 4 m³/ngày.đêm.*

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm): NaHSO₃, H₂SO₄, Ca(OH)₂.

1.2.4. Công trình, thiết bị xử lý nước thải: 01 Hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất thiết kế 4 m³/ngày.đêm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: *Nước thải chứa Cr và nước thải chứa axit → Bồn chứa nước tập trung → Bể phản ứng → Bể điều chỉnh pH → Bể tạo bông → Bể lắng → Bể trung gian → Lọc cát → Bể trung hoà → Bể xả thải → Hệ thống thu gom nước thải Khu công nghiệp Long Đức.*

- Công suất thiết kế: 4 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm): Ca(OH)₂, H₂SO₄, PAC, Polymer, NaOH.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Định kỳ 1 năm/lần thực hiện quan trắc nước thải đối với nước thải đầu ra theo Giới hạn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Long Đức.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 6 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất thiết kế 5 m³/ngày.đêm.

- 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất thiết kế 4 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: đầu vào và đầu ra của từng hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Thành phần ô nhiễm chính của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất thiết kế 5 m³/ngày.đêm: pH, BOD₅, COD, TSS, tổng N, tổng P, Amoni, Tổng dầu mỡ khoáng.

- Thành phần ô nhiễm chính của hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất thiết kế 4 m³/ngày.đêm: pH, BOD₅, COD, TSS, tổng N, tổng P, Tổng dầu mỡ khoáng, Cr⁶⁺, Cr³⁺, Fe, Zn, Cu, Ni, Pb.

- Giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: phải đạt Giới hạn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Long Đức theo quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tiếp nhận của Khu công nghiệp Long Đức và biện pháp kiểm soát, giám sát nước thải theo thỏa thuận giữa Công ty và Công ty TNHH Đầu tư Long Đức (chủ đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Long Đức), không được xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Đức để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-KCNĐN ngày tháng năm 2024
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải: tổng lưu lượng 49.900 m³/giờ.

- + Nguồn số 01: Khí thải từ quá trình sơn số 1, lưu lượng 12.900 m³/giờ.
- + Nguồn số 02: Khí thải từ quá trình sơn số 2, lưu lượng 12.900 m³/giờ.
- + Nguồn số 03: Khí thải từ quá trình sơn số 3, lưu lượng 12.900 m³/giờ.
- + Nguồn số 04: Bụi thải từ quá trình phun cát số 1, lưu lượng 600 m³/giờ (không có dòng thải do không qua ống thoát khí thải).
- + Nguồn số 05: Bụi thải từ quá trình phun cát số 2, lưu lượng 1.800 m³/giờ (không có dòng thải do không qua ống thoát khí thải).
- + Nguồn số 06: Bụi thải từ quá trình phun cát số 3, lưu lượng 1.800 m³/giờ (không có dòng thải do không qua ống thoát khí thải).
- + Nguồn số 07: Hơi dầu từ quá trình gia công cơ khí số 1, lưu lượng 500 m³/giờ (không có dòng thải do không qua ống thoát khí thải).
- + Nguồn số 08: Hơi dầu từ quá trình gia công cơ khí số 2, lưu lượng 500 m³/giờ (không có dòng thải do không qua ống thoát khí thải).
- + Nguồn số 09: Hơi dầu từ quá trình gia công cơ khí số 3, lưu lượng 500 m³/giờ (không có dòng thải do không qua ống thoát khí thải).
- + Nguồn số 10: Hơi dầu từ quá trình gia công cơ khí số 4, lưu lượng 500 m³/giờ (không có dòng thải do không qua ống thoát khí thải).
- + Nguồn số 11: Hơi dầu từ quá trình gia công cơ khí số 5, lưu lượng 500 m³/giờ (không có dòng thải do không qua ống thoát khí thải).
- + Nguồn số 12: Hơi dầu từ quá trình gia công cơ khí số 6, lưu lượng 500 m³/giờ (không có dòng thải do không qua ống thoát khí thải).
- + Nguồn số 13: Khí thải từ quá trình xử lý bề mặt, lưu lượng 1.000 m³/giờ (không có dòng thải).
- + Nguồn số 14: Khí thải từ quá trình sấy số 1, lưu lượng 1.000 m³/giờ (không có dòng thải).
- + Nguồn số 15: Khí thải từ quá trình sấy số 2, lưu lượng 1.000 m³/giờ (không có dòng thải).
- + Nguồn số 16: Khí thải từ hoạt động máy phát điện, lưu lượng 1.000 m³/giờ (sử dụng dầu DO) (không có dòng thải do không có công trình xử lý).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí thải số 01 sau hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sơn số 1 (nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1199103; Y = 416122.

- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thoát khí thải số 02 sau hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sơn số 2 (nguồn số 02), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1199129; Y = 416154.

- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với ống thoát khí thải số 03 sau hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sơn số 3 (nguồn số 03), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1199120; Y = 416125.

(Theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $12.900 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $12.900 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $12.900 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả thải liên tục 24/24 giờ khi phát sinh.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, với các hệ số $K_v = 1,0$ và $K_p = 0,9$ và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi xả ra môi trường, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Tần suất quan trắc định kỳ ⁽²⁾	Quan trắc tự động liên tục
I	Dòng khí thải số 01, 02, 03				
1	Lưu lượng	$\text{m}^3/\text{giờ}$	-	Không thuộc đối tượng quan trắc	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	Bụi	mg/Nm^3	180		
3	Toluen	mg/Nm^3	750		
3	Xylen	mg/Nm^3	870		
4	Etylbenzen	mg/Nm^3	870		
5	Fomaldehyt	mg/Nm^3	20		

Ghi chú:

(1) Giá trị giới hạn cho phép theo: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $K_v = 1,0$, $K_p = 0,9$) và QCVN 20:2009/BTNMT.

(2) Chủ dự án vẫn phải thường xuyên kiểm tra, giám sát các nguồn phát sinh khí thải đảm bảo chất lượng khí thải trước khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 1,0$ và K_p theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải) và QCVN 20:2009/BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Bụi phát sinh từ quá trình phun cát được dẫn về hệ thống thu gom, xử lý khí thải, công suất thiết kế $600 \text{ m}^3/\text{giờ}$ bằng ống hút thu gom có đường kính

Φ400mm.

- Bụi phát sinh từ quá trình phun cát được dẫn về hệ thống thu gom, xử lý khí thải, công suất thiết kế 1.800 m³/giờ bằng ống hút thu gom có đường kính Φ400mm.

- Hơi dầu phát sinh từ quá trình cắt được dẫn về hệ thống thu gom, xử lý khí thải, công suất thiết kế 500 m³/giờ bằng ống hút thu gom có đường kính Φ123mm.

- Hơi dung môi phát sinh từ quá trình sơn được dẫn về hệ thống thu gom, xử lý khí thải, công suất thiết kế 12.900 m³/giờ bằng ống hút thu gom có đường kính Φ600mm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Hệ thống xử lý khí thải dòng thải số 01, 02, 03

- Tóm tắt quy trình công nghệ: *Hơi dung môi → Màng nước → Than hoạt tính → Ống thải → Khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường được xả thải ra môi trường.*

- Công suất thiết kế: 12.900 m³/giờ/hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: hóa chất thu hồi sơn 25 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ tiến hành kiểm tra các thiết bị thu gom chất thải; vệ sinh đường ống hút bụi, hút khí để tăng hiệu suất xử lý.

- Khi xảy ra sự cố, nhà máy cho ngừng vận hành ngay lập tức các dây chuyền sản xuất tương ứng với hệ thống xử lý khí thải bị sự cố. Phối hợp với các cơ quan chức năng để khắc phục sự cố. Chỉ đưa dây chuyền vào vận hành khi khắc phục xong sự cố.

- Bố trí công nhân vận hành thường xuyên, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 6 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- 03 Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sơn, công suất thiết kế 12.900 m³/giờ/hệ thống.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung được cấp phép tại Phần A 2.2.2 Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

PHỤ LỤC 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNDN ngày tháng năm 2024
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ Nguồn số 01: từ khu vực cắt;

+ Nguồn số 02: từ khu vực máy nén khí;

+ Nguồn số 03: từ khu vực máy phát điện.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

+ Nguồn số 01: từ khu vực máy cắt. Tọa độ: X = 1199670; Y = 416347;

+ Nguồn số 02: từ khu vực máy nén khí. Tọa độ: X = 1199670; Y = 416347;

+ Nguồn số 03: từ khu vực máy phát điện. Tọa độ: X = 1199671; Y = 416346.

3. Tiếng ồn: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc theo QCVN 24:2016/BYT, cụ thể như sau:

STT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L_{aeq}) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

4. Độ rung: Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT.

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNDN ngày tháng năm 2024
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh dự kiến:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại từ quá trình đúc	05 11 02	Rắn	KS	2.000
2	Dung dịch nước tẩy rửa thải có thành phần nguy hại	07 01 06	Lỏng	KS	8.748
3	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	07 03 05	Lỏng	NH	8.000
4	Phôi, vụn kim loại từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	07 03 11	Rắn	KS	846
5	Cặn sơn thải	08 01 01	Lỏng/Rắn	KS	6.540
6	Huyền phù nước thải lẫn sơn loại có dung môi hữu cơ	08 01 04	Lỏng	KS	1.500
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	Bùn	KS	4.788
8	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	NH	30
9	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	NH	50
10	Bùn thải từ thiết bị tách dầu/nước	17 05 02	Bùn	NH	6

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
11	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	KS	27
12	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	Rắn	KS	1.116
13	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	Rắn	KS	110
14	Giẻ lau, găng tay, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	KS	1.500
15	Linh kiện thiết bị điện, điện tử thải	16 01 13	Rắn	NH	12
16	Ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	NH	10
17	Pin Ni-Cd thải	19 06 02	Rắn	NH	1
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)					35.284

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh dự kiến:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu	Khối lượng (kg/năm)
1	Kim loại và hợp kim các loại không lẫn với CTNH: Mạt, vụn kim loại	11 04 03	Rắn	TT-R	846
2	Hộp chứa mực in thải (mực in văn phòng)	08 02 08	Rắn	TT	10
3	Pallet gỗ	09 01 02	Rắn	TT-R	1
4	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	12 06 13	Bùn	TT	6.000
5	Bao bì đóng gói hư hỏng, giấy carton, giấy vụn, giấy loại bỏ từ văn phòng	18 01 05	Rắn	TT-R	20
6	Bao bì nylon hư hỏng	18 01 06	Rắn	TT-R	50
7	Cát thải	-	Rắn	-	200
8	Bùn từ bể tự hoại	-	Bùn	TT	1.510
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)					8.637

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh dự kiến:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	4,48
2	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	8
Tổng khối lượng dự kiến (tấn/năm)		12,48

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, phuy, can có nắp đậy.

2.1.2. Khu lưu giữ chất thải nguy hại:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 20 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải nguy hại có tường bao và mái che, nền được chống thấm. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã chất thải nguy hại, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa chất thải nguy hại được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như thùng phuy chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc dầu chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy.

2.2.2. Khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 22 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường có tường bao và mái che bằng tôn. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 120 lít và 240 lít đặt tại các khu vực nhà vệ sinh, văn phòng làm việc, khu vực sản xuất, toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt sẽ được thu gom về khu tập kết rác sinh hoạt và chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:

Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và

các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất của Dự án theo quy định.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày tháng năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án và các quy định pháp luật hiện hành.
2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.
3. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi đối với dự án.
4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.
5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.
6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
7. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.
8. Trong quá trình hoạt động nếu dự án có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Công ty TNHH Đầu tư Long Đức, Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, Sở Tài nguyên và

Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ quan có liên quan. Chủ dự án chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.

10. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hóa chất.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện quản lý sử dụng đất, trình tự thủ tục xây dựng, PCCC theo quy định pháp luật hiện hành

13. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI